

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và ông Võ Hùng Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị N** - sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Trương Đ** - sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn trình bày ý kiến, yêu cầu xử vắng mặt nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 24/3/2003. Trong quá trình sống chung giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh Đ có đánh đập chị, mâu thuẫn gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh Đ được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh Đ có 03 con chung tên Trương Đông Q – sinh ngày 16/6/2002, Trương Đông K – sinh ngày 06/8/2009 và Trương Đặng My N – sinh ngày 07/11/2013, con chung hiện đang sống cùng vợ

chồng chị. Cháu Q đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị tôn trọng nguyện vọng của cháu K và cháu N. Nếu các con có nguyện vọng sống với chị, chị đồng ý và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến và yêu cầu xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị N về tình trạng hôn nhân giữa anh chị. Mâu thuẫn giữa anh chị là không hiểu nhau trong cách sống, tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân anh và chị N có 03 con chung tên Trương Đông Q – sinh ngày 16/6/2002, Trương Đông K – sinh ngày 06/8/2009 và Trương Đặng My N – sinh ngày 07/11/2013, con chung hiện đang sống cùng vợ chồng anh chị. Cháu Q đã trưởng thành, có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh tôn trọng nguyện vọng của cháu K và cháu N. Nếu các con có nguyện vọng sống với anh, anh đồng ý và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Các cháu Trương Đông K và Trương Đặng My N có giấy trình bày nguyện vọng thống nhất trình bày như sau: Các cháu là con của ông Trương Đ và bà Đặng Thị N. Nay ba mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu muốn sống cùng mẹ vì mẹ có điều kiện chăm lo cho các cháu hơn.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N. Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh Đ. Về con chung: giao các cháu Trương Đông K và Trương Đặng My N cho chị Đặng Thị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Đ. Bị đơn có hộ khẩu tại

huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị N và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 24/3/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị N đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh Đ có đánh đập chị, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy giữa chị N và anh Đ không tìm được tiếng nói chung, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N và anh Đ có 03 con chung tên Trương Đông Q – sinh ngày 16/6/2002, Trương Đông K – sinh ngày 06/8/2009 và Trương Đặng My N – sinh ngày 07/11/2013, con chung hiện đang sống cùng vợ chồng anh chị, con chung hiện đang sống cùng anh chị. Cháu Q đã trưởng thành có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét. Các cháu Trương Đông K và Trương Thị My Na có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ vì mẹ có điều kiện chăm lo cho các cháu hơn. Bên cạnh đó, các bên đương sự thống nhất tôn trọng ý kiến của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của các con chung và ý kiến của các đương sự giao cháu Q và cháu N cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: chị Đặng Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Trương Đ.

* Về con chung: Giao các cháu Trương Đông K – sinh ngày 06/8/2009 và Trương Đặng My N – sinh ngày 07/11/2013 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: chị Đặng Thị N phải chịu **300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu **AA/2019/0004377** ngày 03/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị N đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đương sự (2);
- UBND xã C (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Xuân Hương

